

Số: 1819 /2014/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 21 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

SỐ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG	VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯƠNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN THỂ THAO	
ĐẾN	Số: 2217	lập thành tích thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia
	Ngày: 22/8/2014	
	Chuyên:	
	Lưu hồ sơ số:	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu; Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tại các Tờ trình: số 47/TTr-SVHTTDL ngày 23/7/2014, số 51/TTr-SVHTTDL ngày 14/8/2014; Công văn số 438/STC-VX ngày 15/4/2014 của Sở Tài chính; Báo cáo thẩm định số 28/BCTĐ-STP ngày 07/7/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao lập thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia như sau:

1. Tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại giải Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao:

- Huy chương vàng: 7.000.000 đồng.
- Huy chương bạc: 5.000.000 đồng.
- Huy chương đồng: 3.000.000 đồng.

Trường hợp vận động viên, huấn luyện viên thi đấu đạt thành tích huy chương, đồng thời phá kỷ lục quốc gia thì được thưởng thêm số tiền 5.000.000 đồng.

2. Tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải trẻ quốc gia được thưởng như sau:

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
- Giải thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi: Mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với những môn thể thao thi đấu tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đối với những môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, các giải thể thao quốc gia dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Số lượng huấn luyện viên đối với môn thi đấu tập thể, môn thi đấu đồng đội được quy định như sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng tính cho 03 huấn luyện viên.

Điều 2. Kinh phí và thời gian áp dụng.

1. Kinh phí thực hiện bố trí trong dự toán ngân sách chi sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Năm 2014, mức thưởng trên được áp dụng cho các giải thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII và giải thể thao quốc gia dành cho người khuyết tật. Từ 2015 mức thưởng trên được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố; Trưởng ban Ban Thi đua Khen thưởng thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

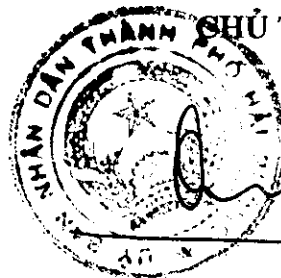
Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: VHTTDL, TC, LĐTĐ&XH;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Tổng cục TDTT;
- Ban TĐKT TW;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH HP;
- Như Điều 3;
- VP TU, các Ban TU;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Sở, ngành, đoàn thể;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các CV UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH



Dương Anh Điền